NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT – HUNG

Lê Thị Thanh Hoa, Trần Thị Mơ
Trường Đại học Công nghiệp Việt Hung

Tóm tắt: *Thị trường lao động hiện nay không chỉ đòi hỏi sinh viên có trình độ chuyên môn cao, mà cần phải có ngoại ngữ cũng như kỹ năng mềm để có thể hội nhập, cạnh tranh trên thị trường lao động thế giới, cũng như Việt Nam. Có thể nói hiện nay phần lớn sinh viên ĐHCN Việt – Hung tốt nghiệp đều được trang bị những kiến thức chuyên môn phù hợp với ngành nghề mà họ đang lựa chọn. Tuy nhiên các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tìm kiếm thông tin... của sinh viên còn rất hạn chế. Nhận thấy việc trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết là điều vô cùng quan trong, giúp sinh viên có thể ứng phó với những thay đổi của thị trường lao động trong giai đoạn hiện nay.*

Từ khoá: *Kỹ năng mềm, sinh viên, Trường ĐHCN Việt – Hung*

A STUDY ON THE CURRENT SITUATION OF SOFT SKILLS TRAINING FOR STUDENTS AT VIET HUNG UNIVERSITY OF INDUSTRY

Summary: *The current labor market not only requires students to have high professional qualifications, but also to have foreign languages as well as soft skills to be able to integrate and compete in the world labor market, as well as Vietnam. . It can be said that currently, the majority of Vietnamese - Hung University of Technology graduates are equipped with professional knowledge appropriate to the profession they are choosing. However, soft skills such as communication skills, teamwork, problem solving, information searching... of students are still very limited. Realizing that equipping students with the necessary soft skills is extremely important, helping students cope with changes in the labor market in the current period.*

Keywords: *Soft Skills; student; Vietnam - Hungary University of Technology.*

Nhận bài: 12/06/2026 *Phản biện: 12/07/2026* *Duyệt đăng: 15/07/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước sự ảnh hưởng trực tiếp cuộc CMCN 4.0 cũng như những đòi hỏi từ các quy định về chuẩn đầu ra của Bộ Giáo dục đối với các ngành đào tạo bậc Đại học, ĐHCN Việt – Hung đã kịp thời có thay đổi trong vấn đề đào tạo của nhà trường. Nền kinh tế với việc tự động hóa sẽ cao đòi hỏi người lao động phải thích ứng nhanh với sự thay đổi của sản xuất nếu không sẽ bị dư thừa. Thị trường lao động không chỉ đòi hỏi SV có trình độ chuyên môn cao, mà cần phải có ngoại ngữ cũng như kỹ năng mềm để có thể hội nhập, cạnh tranh trên thị trường lao động thế giới, cũng như Việt Nam. Có thể nói hiện nay phần lớn SV ĐHCN Việt – Hung tốt nghiệp đều được trang bị những kiến thức chuyên môn phù hợp với ngành nghề mà họ đang lựa chọn. Tuy nhiên các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tìm kiếm thông tin... của SV còn rất hạn chế. Nhận thấy việc trang bị cho SV những kỹ năng mềm cần thiết là điều vô cùng quan trong, giúp SV có thể ứng phó với những thay đổi của thị trường lao động, nhà trường đã xác định rõ các tiêu chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm để các ngành xây dựng chương trình đào tạo thực hiện trong nhà trường. Kèm theo đó, nhà trường cũng đã thực hiện đào tạo KNM dưới nhiều hình thức khác nhau cho SV, từng bước hướng tới chuyên nghiệp hoá đội ngũ giảng viên chuyên giảng dạy KNM. Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn, để đánh giá được thực trạng đào tạo KNM của trường ĐHCN Việt - Hung và làm cơ sở nghiên cứu đề xuất nhưng giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo KNM của nhà trường.

Phương pháp nghiên cứu: Quá trình nghiên cứu bài báo sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Để có thể xác định được thực trạng văn hoá đọc của SV Trường ĐHCN Việt – Hung việc làm trước tiên phải xác định được cỡ mẫu điều tra. Việc xác định cỡ mẫu nghiên cứu được xác định theo công thức: $n = N/(1+N\times(0,05)2)$ trong đó: n là cỡ mẫu; N là số lượng SV đầu vào của từng khóa. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 477 SV đại diện cho 03 khoá SV trường ĐHCN Việt - Hung. Với 477 SV tham gia khảo sát năm 1 có 257 SV (54%); năm 2 có 132 SV (27.7%), năm 3 có 48 SV (10.1%); năm 4 có 39 em (8.2%). Nếu chia theo ngành học thì có SV ở 5 ngành tham gia khảo sát, trong đó 146 SV (30.7%) thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện Tử; 114 SV (23.9%) ngành Quản trị kinh doanh; 113 SV (23.7%) SV ngành Công nghệ thông tin; 65 SV (13.7%) SV ngành

Công nghệ kỹ thuật Ô tô; 37SV (7.8%) ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí. Sau khi xác định được cỡ mẫu điều tra, nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn SV Trường ĐHCN Việt – Hung về những vấn đề có liên quan đến đào tạo và học tập Kỹ năng mềm hiện nay gồm: quan điểm về tầm quan trọng của kỹ năng mềm, tỉ lệ lựa chọn học tập kỹ năng của SV, thực trạng hoạt động đào tạo kỹ năng mềm của nhà trường…. Đồng thời qua đó, nhóm tác giả đưa ra nhận xét và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc đào tạo và học tập của trường ĐHCN Việt – Hung hiện nay.

2.1. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm của trường ĐHCN Việt - Hung

Hiện nay, việc đào tạo kỹ năng mềm cho SV bậc đại học nói chung và SV chính quy trong trường ĐHCN Việt – Hung nói riêng đang được quan tâm, chú ý. Điều này thể hiện ở việc ngày càng có nhiều môn học liên quan đến kỹ năng mềm được đưa vào giảng dạy chính thức cho SV. Cụ thể trong chương trình đào tạo của K41 có học phần Kỹ năng mềm 3 tín chỉ đào tạo cho toàn trường. Chương trình đào tạo của các khóa từ K43 có nhiều học phần Kỹ năng mềm được thiết kế dưới dạng 1 tín chỉ đưa vào đào tạo trong chương trình: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng….Thông qua các học phần này, SV đã phần nào nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của kỹ năng mềm và chủ động hơn trong việc học tập và rèn luyện chúng. Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm…đã được trang bị một cách bài bản hơn, giúp SV vận dụng tốt hơn vào tình hình thực tế. Từ chương trình đào tạo của khoá K45, các học phần liên quan tới KNM đã được giới thiệu đưa vào một cách linh hoạt, đa dạng, trong đó có nhiều học phần để SV lựa chọn phù hợp với nhu cầu của mình. Số tín chỉ của các học phần liên quan tới KNM cũng đã được tăng lên 4 tín chỉ và chia thành 2 nhóm kỹ năng mềm: nhóm kỹ năng hỗ trợ SV trong quá trình học đại học được giảng dạy ở năm 1, năm 2. Nhóm kỹ năng mềm hỗ trợ SV trong quá trình tìm việc làm. Với mỗi nhóm SV sẽ lựa chọn 2/4 học phần với thời lượng mỗi học phần là 1 tín chỉ. Một số học phần KNM được coi là học phần điều kiện để SV đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Ngoài ra chương trình đào tạo cũng chú ý tới việc phát triển những năng lực quản lý khởi nghiệp cho SV.

STT	Tên học phần KNM	Số tín chỉ	Loại HP	Năm học
Kỹ năng mềm nhóm 1: Kỹ năng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học đại học		2/4		
1	Kỹ năng làm việc nhóm	1	Tự chọn	1
2	Kỹ năng quản lý thời gian	1	Tự chọn	1
3	Kỹ năng thuyết trình	1	Tự chọn	2
4	Kỹ năng tư duy sáng tạo	1	Tự chọn	2
Kỹ năng mềm nhóm 2: Kỹ năng hỗ trợ sinh viên trong quá trình tìm việc và làm việc		2/4		
1	Kỹ năng giao tiếp	1	Tự chọn	3
2	Kỹ năng giải quyết vấn đề	1	Tự chọn	3
3	Kỹ năng tìm việc	1	Tự chọn	4
4	Kỹ năng phỏng vấn	1	Tự chọn	4
Kiến thức quản lý khởi nghiệp		4		
1	Tâm lý học quản lý	2	Bắt buộc	2
2	Văn hóa doanh nghiệp	2	Bắt buộc	3
Tổng		8		

Bảng 1. Các học phần KNM trong chương trình đào tạo K45

Đối với từng học phần liên quan tới KNM cũng đã được bộ môn KNM xây dựng dựa trên nhu cầu học của SV, tham khảo mong muốn của các doanh nghiệp và đối sánh với chương trình giảng dạy KNM của các trường khác.

Với câu hỏi khảo sát 447 SV của trường: Theo bạn chương trình giảng dạy các môn học liên quan trực tiếp tới đào tạo KNM hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu chưa? Kết quả thu về như biểu đồ sau:



Biểu đồ 1. Sự phù hợp của chương trình giảng dạy KNM

Có tới 55.3 % SV cho rằng chương trình đã rất phù hợp, 36.6% cho rằng phù hợp và chỉ có 8.2% SV cho rằng chưa phù hợp. Điều này cho thấy chương trình đào tạo của nhà trường đã được thiết kế nhằm thích ứng tốt nhất đối với chuẩn đầu ra và nhu cầu của xã hội. Việc đào tạo kỹ năng mềm cũng đã luôn được chú ý lồng ghép, đan xen vào các học phần trong chương trình đào tạo. Tuy nhiên, với sự cầu thị và mong muốn đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học và đơn vị sử dụng nhân lực, trong thời gian tới, chương trình đào tạo các học phần KNM cũng sẽ luôn được chú ý cải tiến cho phù hợp nhất.

2.2. Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm của trường ĐHCN Việt - Hung

Phương pháp giảng dạy cũng dần được đổi mới trên tinh thần tăng cường hoạt động của SV trên lớp (các hoạt động thuyết trình, làm việc nhóm…). Ở tất cả các học phần, làm việc theo nhóm, thuyết trình được đưa vào như một hoạt động thường xuyên và chủ yếu. Điều này giúp SV cải thiện được nhóm kỹ năng giao tiếp, mạnh dạn, tự tin hơn trong tương tác trong và ngoài môi trường học tập. Đặc biệt rèn luyện tinh thần làm việc đồng đội, một trong những kỹ năng vô cùng quan trọng cho công việc sau này tại các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động.

Bên cạnh đó, những hoạt động ngoại khóa do nhà trường, hội SV tổ chức cũng tạo cho SV sự tự tin, dám thể hiện bản thân và là môi trường tốt để trau dồi các kỹ năng như lãnh đạo, làm việc nhóm… Những hành động này đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao kỹ năng mềm cho SV khi ra trường, bước đầu đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động đang ngày một cạnh tranh gay gắt. Đây cũng là phương pháp rèn luyện kỹ năng mềm quan trọng trong trường ĐHCN Việt – Hung. Để tạo điều kiện cho SV, nhà trường định hướng thành lập nhiều tổ chức đoàn thể về hoạt động tình nguyện, học thuật dưới sự giám sát của đoàn trường. Điển hình là các hoạt động tình nguyện của các đội SV tình nguyện, đội thanh niên xung kích, các câu lạc bộ… SV khi vào các đội tình nguyện này sẽ được tham gia vào các hoạt động tình nguyện lớn như mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi… Những hoạt động này không những giúp ích cho xã hội mà nó còn góp phần giúp SV trưởng thành hơn trong cuộc sống. Hay khi được giao tổ chức một chương trình nào đó trong hoạt động tình nguyện, người SV phải tự mình lên kế hoạch triển khai như thế nào, phối hợp hoạt động của các thành viên khác trong đội ra sao để có thể đạt được kết quả tốt nhất. Qua đó mà các kỹ năng về phối hợp tổ chức, kỹ năng lãnh đạo được trau dồi, phát triển. SV cũng có thể cải thiện được kỹ năng giao tiếp của mình khi thường hay phải đảm nhận vai trò MC trong các chương trình, hay kỹ năng đàm phán khi họ đi xin chạy tài trợ của một công ty nào đó cho một hoạt động tình nguyện

Với khảo sát 477 SV về phương pháp giảng dạy các học phần liên quan KNM. Kết quả thu về có 73.5% số SV cho rằng phương pháp giảng dạy đã phù hợp. 10.3% có ý kiến khác và 16.2% SV cho rằng cần phải thay đổi phương pháp.

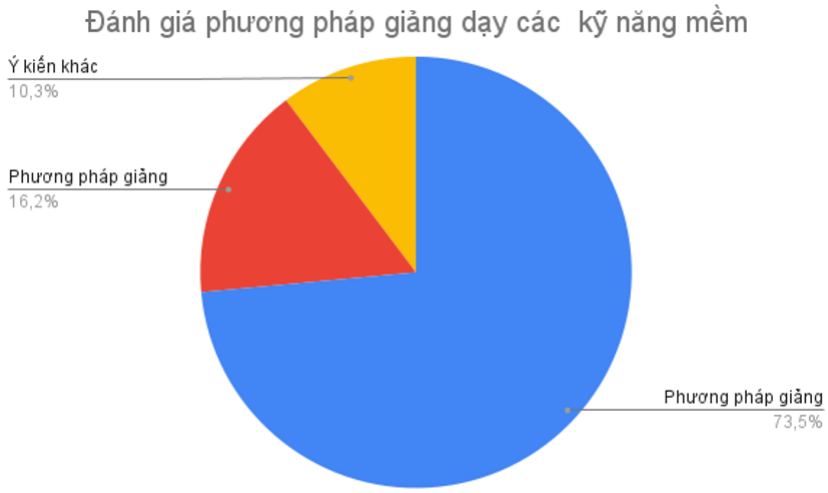

Biểu 2. Đánh giá phương pháp giảng dạy KNM

2.3. Thực trạng hoạt động tự trau dồi kỹ năng mềm của SV.

Theo điều tra của nhóm nghiên cứu thì hầu hết SV được hỏi về cơ bản đều đã hiểu được "kỹ năng mềm" là gì và chỉ ra được một số tuy không đầy đủ các môn kỹ năng mềm, vì vậy, SV đều rất kỳ vọng vào các môn học kỹ năng mềm và do đó những đòi hỏi từ người dạy cũng cần trang bị nhiều cả về kiến thức chuyên môn (lý luận và thực tế) cũng như phương pháp truyền đạt và phong cách giảng dạy. Theo điều tra số liệu 477 SV các ngành của trường ĐHCN Việt – Hung thì số lượng SV biết đến KN làm việc nhóm là nhiều nhất (39.7%), tiếp đến là KN thuyết trình (20.3%), KN Giao tiếp (19.6%). Các loại KN như KN quản lý thời gian, KN tự học, KN giải quyết vấn đề là những nhóm KN mà SV chưa được biết đến nhiều.

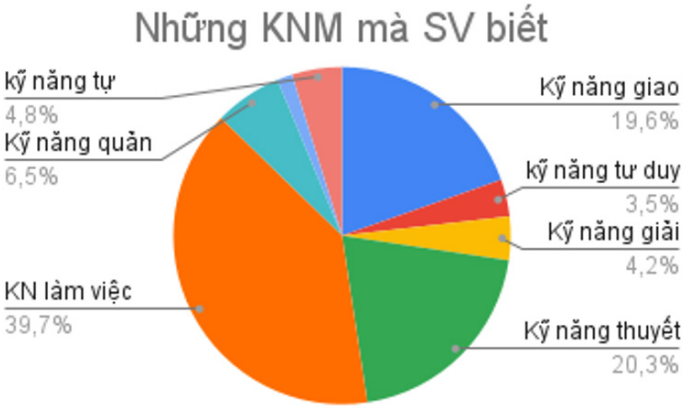

Biểu 3. Những KNM mà SV biết

Cũng theo sự khảo sát của nhóm nghiên cứu, nguồn SV ĐHCN Việt – Hung tiếp cận với KNM chủ yếu từ các GV(53.8%) và từ các thông tin trên internet (15.5%), từ trao đổi với bạn bè (12.8%).

Việc tiếp thu kiến thức của những môn học kỹ năng mềm không hề khó và thậm chí là dễ so với các môn chuyên ngành Kinh tế hay Kỹ thuật. Nhưng để ứng dụng những kiến thức đã được học vào thực tế, giải quyết các tình huống và công việc một cách tự tin, linh hoạt, khôn khéo… và nghệ thuật lại không hề dễ. Để có thể vận dụng tốt các kỹ năng mềm đã được trang bị đòi hỏi SV phải biết "mềm hóa kiến thức" với một "tư duy động", để vận dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt, khôn khéo và tế nhị vào trong từng hoàn cảnh nhất định với từng đối tượng cụ thể, có khả năng làm việc độc lập nhưng vẫn thể hiện tinh thần làm việc.

Khi được hỏi về lý do các môn học làm cho SV cảm thấy hứng thú học thì hầu hết đều có chung một câu trả lời là do môn học vui nhộn, có nhiều kiến thức và tình huống thực tế bổ ích và được làm việc với nhóm.Sau khi học xong các môn học kỹ năng mềm, hầu hết SV đều có những thay đổi tích cực hơn về thái độ, quan điểm sống, học tập

và phong cách giao tiếp. Song, nhìn chung cũng chỉ một số ít SV có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tế, các SV còn lại chỉ đáp ứng ở mức độ thấp hoặc không đáp ứng nổi

2.4. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc đào tạo và học tập kỹ năng mềm.

Theo khảo sát của CareerBuilder (Mạng Việc làm và Tuyển dụng lớn nhất thế giới), khi đánh giá một ứng viên tiềm năng cho công việc, nhà tuyển dụng luôn khẳng định tầm quan trọng của KNM so với KN nghề nghiệp cơ bản. Hay nói cách khác, khi có được các KNM, SV sẽ có được lợi thế trong thị trường việc làm ngày càng cạnh tranh mạnh mẽ như hiện nay. Do đó việc nâng cao hiệu quả học tập Kỹ năng mềm là vô cùng quan trọng. Các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm:

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của kỹ năng mềm dành cho SV trong giai đoạn hiện nay

Theo chương trình đào định hướng ứng dụng của từng Khoa/Bộ môn, SV phải đáp ứng đầy đủ các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Bên cạnh chuẩn đầu ra về chuyên môn, về tin học và ngoại ngữ thì sinh viên phải có các KNM từ cơ bản đến nâng cao.

Hoạt động giảng dạy KNM đòi hỏi phải có kiến thức chuyên môn, am hiểu tâm lý lứa tuổi, có kinh nghiệm và sự trải nghiệm thực tế. SV cần tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp

bao gồm các hoạt động như thuyết trình hay làm việc nhóm… Tích cực tham gia các hoạt động của Đoàn, Hội trong trường học cũng như tham gia vào các lớp kĩ năng trong trường để tích lũy những kỹ năng mềm cần thiết cho sau này.

III.KẾT LUẬN

Hoạt động giảng dạy, đào tạo KNM phải xuất phát từ nhu cầu SV và nhu cầu thị trường lao động. SV chỉ có thể tích cực tham gia học tập nếu những kiến thức và kỹ năng mềm đó thật sự có ích, cần thiết cho nghề nghiệp, cho tương lai của họ. SV vừa tiếp cận được kiến thức, vừa rèn luyện kỹ năng, vừa được đào tạo một thái độ tích cực, từ đó hoàn chỉnh dần khả năng sau khi ra trường. Đây cũng là một trong những nền tảng cốt lõi làm nên chất lượng giáo dục trong môi trường đại học của học phần KNM

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hoàng Phê chủ biên; Từ điển tiếng Việt ; Viện ngôn ngữ học Đà Nẵng.; NXB Đà Nẵng

Huỳnh Văn Sơn ;Thử nghiệm một vài biện pháp phát triển một số kĩ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm. Tạp chí Khoa học, số 50, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2013.

Max. A. Eggert; Kỹ năng mềm cho người đi làm - Ngôn ngữ cơ thể; NXB Trẻ, 2012.

Nguyễn Thị Mỹ Lộc chủ biên; Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống dành cho trẻ mầm non; NXB ĐH Quốc gia HN, 2010.

Vũ Thế Dũng –Trần Thanh Tòng; Yêu cầu của nhà tuyển dụng về những kỹ năng đối với sinh viên mới tốt nghiệp các ngành quản lý – kinh tế: Ứng dụng phương pháp phân tích nội dung